

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

0 * M.S.Đ.Đ.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Trình Văn Thới	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Đỗ Duy Tháp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015)
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Sơn Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015)
Ông Phạm Văn Tích	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

2506
NG T
HỆM HỮ
0177
[NA]
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đình Văn Duẩn
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Y.C.T.
HAN
E
HA NOI

Số: 786 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán với báo cáo kiểm toán độc lập ngày 20 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 07 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.691.913.815	89.746.912.641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.957.923.797	5.674.596.894
1. Tiền	111		4.957.923.797	5.674.596.894
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.891.811.615	54.831.715.140
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	64.720.292.491	58.443.103.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		103.995.111	358.995.111
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.034.044.240	7.034.044.240
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.487.826.077	9.004.812.133
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(25.454.346.304)	(20.009.239.647)
III. Hàng tồn kho	140	10	32.233.691.334	28.948.144.370
1. Hàng tồn kho	141		32.233.691.334	28.948.144.370
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		608.487.069	292.456.237
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		608.487.069	292.456.237
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.798.601.457	60.493.992.911
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.646.174.857	29.236.876.649
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	12.848.634.083	28.093.285.455
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	797.540.774	1.143.591.194
II. Tài sản cố định	220		1.989.133.390	1.828.688.905
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.989.133.390	1.828.688.905
- Nguyên giá	222		23.185.398.057	23.640.321.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.196.264.667)	(21.811.632.712)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	1.305.632.745	1.110.470.750
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	242		1.305.632.745	1.110.470.750
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	2.701.984.811	28.251.194.107
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	1.837.000.000	4.254.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	4.374.000.000	3.900.000.003
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.509.015.189)	(3.903.205.896)
V. Tài sản dài hạn khác	260		155.675.654	66.762.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		155.675.654	66.762.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		124.490.515.272	150.240.905.552

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		73.074.913.117		98.761.501.085	
I. Nợ ngắn hạn	310		64.173.291.451		85.297.307.579	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	5.885.702.392		4.335.185.227	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.159.807.960		7.373.416.007	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.061.263.584		9.741.580.322	
4. Phải trả người lao động	314		23.507.708.430		31.044.541.737	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		289.951.875		196.552.032	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.715.347.456		23.420.837.810	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2.653.757.329		8.644.451.675	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		899.752.425		540.742.769	
II. Nợ dài hạn	330		8.901.621.666		13.464.193.506	
1. Phải trả người bán dài hạn	331	16	4.751.377.293		9.352.632.708	
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	3.174.132.054		3.321.523.479	
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	305.700.000		-	
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319		790.037.319	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.415.602.155		51.479.404.467	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	51.415.602.155		51.479.404.467	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000		26.097.100.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712		8.502.618.712	
3. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)		(620.000)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.148.748.099		12.525.459.102	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.667.755.344		4.354.846.653	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-		-	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.667.755.344		4.354.846.653	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		124.490.515.272		150.240.905.552	


Hoàng Thị Minh Hiền
Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2016


Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng




Đinh Văn Duẩn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		81.992.098.024	101.599.436.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		105.377.644	967.960.478
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		81.886.720.380	100.631.475.836
4. Giá vốn hàng bán	F1		58.108.187.377	72.601.150.551
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.778.533.003	28.030.325.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.096.286.992	4.822.514.360
7. Chi phí tài chính	22	23	889.013.827	4.994.389.691
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		757.037.316	1.118.373.800
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	19.924.743.176	22.082.581.143
-9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		5.061.062.992	5.775.868.811
10. Thu nhập khác	31	24	648.109.284	813.992.719
11. Chi phí khác	32	25	888.768.896	1.274.379.021
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(240.659.612)	(460.386.302)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.820.403.380	5.315.482.509
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.152.648.036	960.635.856
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.667.755.344	4.354.846.653




 Hoàng Thị Minh Hiền
 Người lập biểu


 Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng


 Đinh Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.820.403.380	5.315.482.509
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	816.394.605	804.132.301
Các khoản dự phòng	03	5.050.915.950	12.572.899.764
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	-	127.750.705
Chi phí lãi vay	05	(1.953.146.827)	(4.041.988.077)
	06	757.037.316	1.118.373.800
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.491.604.424	15.896.651.002
Giảm các khoản phải thu (Tăng) hàng tồn kho	09	404.407.235	17.118.483.420
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(3.285.546.964)	(198.969.764)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	(19.154.918.294)	(24.513.602.577)
Tiền lãi vay đã trả	12	(404.943.986)	379.151.754
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(757.037.316)	(1.101.805.268)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(2.238.708.020)	(1.114.941.361)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	416.646.080
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(882.525.000)	(787.611.419)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(16.827.667.921)	6.094.001.867
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.172.001.085)	(410.595.801)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	14.030.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	27.843.608.255	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	720.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.405.637.170	(410.595.801)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.253.507.602	12.368.490.132
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.938.501.948)	(13.001.035.506)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.609.648.000)	(4.175.436.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.294.642.346)	(4.807.982.174)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	2.283.326.903	875.423.892
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.674.596.894	4.799.173.002
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	7.957.923.797	5.674.596.894


Hoàng Thị Minh Hiền
Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2016


Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 sửa đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 323 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 387 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động thiết kế dân dụng
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một số sự kiện quan trọng sau:

- Công ty đã thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (chi tiết xem tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc) cho nhiệm kỳ 2015 - 2019.
- Công ty thoái vốn thành công khỏi công ty con - Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada (VCE) trong tháng 3 năm 2015, chuyển nhượng 41% cổ phần trong số 51% cổ phần đang sở hữu theo giá trị là 1.943.466.830 VND cho cổ đông hiện hữu của Công ty VCE.
- Công ty thoái vốn thành công khỏi công ty liên kết - Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa trong tháng 7 năm 2015 bằng cách bán 100% cổ phần Công ty nắm giữ thông qua hình thức khớp lệnh trên sàn Upcom theo giá trị giao dịch là 25.939.050.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp khảo sát xây dựng

- Trung tâm thí nghiệm

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng báo cáo riêng này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2011
CÔNG
H NHIỆ
ELC
IẾT
ĐA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

1500
G T
M H
T T
N A I
T P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Y.C.T.
HAN
E
T.A.N.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>2015</u> Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	110.108.601	527.984.797
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.847.815.196	5.146.612.097
Các khoản tương đương tiền (i)	3.000.000.000	-
	<u>7.957.923.797</u>	<u>5.674.596.894</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc là 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bảo Việt với lãi suất 4,8%/năm.

12500
 NG TY
 NIEM HUU
 OITTI
 NAN
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con:	1.837.000.000	(1.012.904.836)	4.254.400.000	(1.503.205.896)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	1.837.000.000	(1.012.904.836)	1.837.000.000	(1.012.904.836)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	-	-	2.417.400.000	(490.301.060)
- Đầu tư vào công ty liên kết:	-	-	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	-	-	24.000.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác:	4.374.000.000	(2.496.110.353)	3.900.000.003	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	474.000.000	(96.110.353)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	-	1.500.000.003	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	64.720.292.491	58.443.103.303
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	3.762.663.823
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	4.485.993.270	1.470.000.000
Ban điều hành dự án thủy điện Xêkaman 3	3.065.979.647	2.910.332.807
Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 30)	22.350.490.972	15.433.995.257
Các khoản phải thu khách hàng khác	29.212.016.510	34.866.111.416
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	12.848.634.083	28.093.285.455
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	1.915.517.364	1.065.906.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk đrinh	2.336.258.537	2.336.258.537
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	6.309.126.305
Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 30)	866.227.581	1.590.351.906
Các khoản phải thu khách hàng khác	6.874.769.846	16.791.642.707
	77.568.926.574	86.536.388.758

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	17.487.826.077	9.004.812.133
- Cầm cố, ký cược ngắn hạn (i)	10.000.000.000	-
- Tạm ứng cho các tổ, đội	3.586.565.851	4.158.144.990
- Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077
- Cổ tức năm 2012, 2013 phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	1.080.000.000	1.800.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	786.272.149	1.011.679.066
b. Dài hạn	797.540.774	1.143.591.194
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	35.931.180	381.981.600
- Các khoản phải thu khác	761.609.594	761.609.594
	18.285.366.851	10.148.403.327

- (i) Khoản cầm cố, ký cược ngắn hạn thể hiện giá trị của chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn phát hành ngày 29 tháng 7 năm 2015 được cầm cố để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn của Công ty theo các hợp đồng cấp tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá ngày 25 tháng 8 năm 2015.

9. NỢ XẤU

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	3.826.251.327	946.180.023	4.226.251.327	1.881.208.098
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	760.271.680	760.271.680	1.881.208.098	1.881.208.098
- Quá hạn thanh toán 1 năm đến dưới 2 năm	371.816.686	185.908.343	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	2.694.162.961	-	2.345.043.229	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	2.923.443.020	3.762.663.823	-
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	2.923.443.020	2.923.443.020	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	2.682.369.072	-	3.762.663.823	-
Công ty Cổ phần Đô thị và Phát triển Nông thôn Sông Đà	3.252.128.478	1.034.004.172	3.256.812.478	1.758.284.651
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	6.000.000	6.000.000	179.634.208	179.634.208
- Quá hạn thanh toán 6 tháng đến dưới 1 năm	35.260.800	24.682.560	200.306.541	140.214.579
- Quá hạn thanh toán 1 năm đến dưới 2 năm	200.306.541	100.153.271	2.876.871.729	1.438.435.864
- Quá hạn thanh toán 2 năm đến dưới 3 năm	3.010.561.137	903.168.341	-	-
Đối tượng khác	83.170.101.528	65.496.319.906	85.439.064.457	73.036.059.689
Tổng cộng số dư công nợ	95.854.293.425	70.399.947.121	96.684.792.085	76.675.552.438

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.295.354	-	10.134.125	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.227.395.980	-	28.938.010.245	-
	<u>32.233.691.334</u>	<u>-</u>	<u>28.948.144.370</u>	<u>-</u>

001.
CÔI
CH NH
EL
NÊ
C. D.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	5.788.013.550	9.706.993.699	7.764.465.925	380.848.443	23.640.321.617
Tăng trong năm	-	976.839.090	-	-	976.839.090
Thanh lý, nhượng bán	-	(963.239.807)	(340.600.200)	(127.922.643)	(1.431.762.650)
Tại ngày 31/12/2015	5.788.013.550	9.720.592.982	7.423.865.725	252.925.800	23.185.398.057
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	5.788.013.550	8.310.066.928	7.521.223.231	192.329.003	21.811.632.712
Khấu hao trong năm	-	571.718.613	171.700.728	72.975.264	816.394.605
Thanh lý, nhượng bán	-	(963.239.807)	(340.600.200)	(127.922.643)	(1.431.762.650)
Tại ngày 31/12/2015	5.788.013.550	7.918.545.734	7.352.323.759	137.381.624	21.196.264.667
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	-	1.802.047.248	71.541.966	115.544.176	1.989.133.390
Tại ngày 31/12/2014	-	1.396.926.771	243.242.694	188.519.440	1.828.688.905

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 71.754.966 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 243.242.694 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.582.750.116 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 19.826.266.445 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp	Bù trừ với thuế GTGT	Số đã thực nộp	31/12/2015
	VND	trong năm	được khấu trừ/ Điều chỉnh khác	trong năm	VND
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>					
Thuế giá trị gia tăng	2.360.800.504	7.306.908.834	(1.325.369.740)	(7.142.324.929)	1.200.014.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.275.432.764	1.152.648.036	90.094.829	(2.238.708.020)	279.467.609
Thuế thu nhập cá nhân	1.221.457.269	297.988.963	-	(1.476.814.013)	42.632.219
Thuế đất	456.921.493	648.784.487	-	(570.773.500)	534.932.480
Các khoản phải nộp khác	4.426.968.292	81.214.123	-	(4.503.965.808)	4.216.607
	9.741.580.322	9.487.544.343	(1.235.274.911)	(15.932.586.270)	2.061.263.584

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Căn hộ thuộc dự án City view Sông Đà - Hà Đông	1.074.800.750	1.074.800.750
- Sửa chữa nhà G9	230.831.995	35.670.000
	1.305.632.745	1.110.470.750

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lại Xá - Xã Thanh Thủy - Huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương	73,48%	73,48%	Xử lý nước, cung cấp dịch vụ và trang thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Tên công ty đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		sở hữu %	biểu quyết nắm giữ %	
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Lợi, Xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,60%	0,60%	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	Nhà G9- số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Hà Nội	10%	10%	Tư vấn kỹ thuật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	Phòng 504 Tòa nhà CT2 - Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	13,07%	13,07%	Xây dựng và bất động sản

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.885.702.392	5.885.702.392	4.335.185.227	4.335.185.227
Bên liên quan (Xem Thuyết minh số 30)	666.702.834	666.702.834	2.443.645.323	2.443.645.323
Các đối tượng khác	5.218.999.558	5.218.999.558	1.891.539.904	1.891.539.904
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	4.751.377.293	4.751.377.293	9.352.632.708	9.352.632.708
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560
Viện Thiết kế Thủy công TASKENT	810.664.418	810.664.418	810.664.418	810.664.418
Ban điều hành dự án Thủy điện Xêkaman 3	577.654.055	577.654.055	577.654.055	577.654.055
Các đối tượng khác	1.732.618.260	1.732.618.260	6.333.873.675	6.333.873.675
	10.637.079.685	10.637.079.685	13.687.817.935	13.687.817.935

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả các tổ, đội thi công	12.349.868.618	18.926.353.704
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	389.706.990	1.385.335.912
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.975.771.848	3.109.148.194
	14.715.347.456	23.420.837.810
b) Dài hạn		
% giữ lại chờ hết hạn bảo hành	3.174.132.054	3.321.523.479
	3.174.132.054	3.321.523.479

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>Trong năm</u>		<u>31/12/2015</u>
	VND	VND		VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	8.644.451.675	5.790.807.602	11.781.501.948	2.653.757.329
	8.644.451.675	5.790.807.602	11.781.501.948	2.653.757.329

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 91/2014-HĐTDHM/NHCT127-TSVĐ ngày 15 tháng 10 năm 2014. Hạn mức tối đa là 20.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với mức lãi suất theo giấy nhận nợ, thời hạn theo từng lần giải ngân nhưng tối đa không quá 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp và thế chấp quyền sử dụng đất thời hạn 50 năm tại nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và thế chấp tài sản cố định là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT127-TSVĐ.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>Trong năm</u>		<u>31/12/2015</u>
	VND	VND		VND
	Giá trị ghi sổ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ
Vay dài hạn	-	462.700.000	157.000.000	305.700.000
Trong đó:				
- Hợp đồng số 01/2015	-	257.600.000	105.000.000	152.600.000
- Hợp đồng số 02/2015	-	205.100.000	52.000.000	153.100.000
	-	462.700.000	157.000.000	305.700.000

Trong năm, Công ty ký hai hợp đồng vay dài hạn như sau:

- Tại ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TSVĐ với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 282.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TSVĐ.

- Tại ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TSVĐ với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 205.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TSVĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong năm thứ hai	305.700.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>305.700.000</u>	<u>-</u>

01125
ÔNG
+ NHIỆM
E LOI
Ệ T I
ĐA -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu (i)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	9.320.190.769	2.447.056.557	3.032.847.107	49.399.193.145
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.354.846.653	4.354.846.653
Trích lập các quỹ	-	-	-	606.569.421	151.642.355	(1.467.021.107)	(708.809.331)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.565.826.000)	(1.565.826.000)
Số dư tại ngày 01/01/2015	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	9.926.760.190	2.598.698.912	4.354.846.653	51.479.404.467
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	2.598.698.912	(2.598.698.912)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 như được trình bày lại	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	12.525.459.102	-	4.354.846.653	51.479.404.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.667.755.344	3.667.755.344
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	623.288.997	-	(1.745.198.653)	(1.121.909.656)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.148.748.099	-	3.667.755.344	51.415.602.155

- (i) Vốn khác của chủ sở hữu là phần vốn Công ty sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển để mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh (giá trị 568 triệu VND) và dùng để đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (giá trị 7,9 tỷ VND).
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 19/NQ/2015/DHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015, Công ty đã phân bổ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2014 như sau: Quỹ đầu tư phát triển (bao gồm Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang) là 623.288.997 VND; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 921.909.656 VND; Quỹ thưởng cho Ban quản lý, điều hành là 200.000.000 VND và chia cổ tức năm 2014 là 2.609.648.000 VND. Trong năm 2015, Công ty đã thanh toán đầy đủ khoản cổ tức này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	62	62
+ Cổ phiếu phổ thông	62	62
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 26.097.100.000 VND, và đã được các bên góp vốn đủ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, chi tiết như sau:

	<u>Vốn góp tại ngày 31/12/2015</u>		<u>Vốn góp tại ngày 31/12/2014</u>	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Sông Đà	13.309.520.000	51%	13.309.520.000	51%
Cổ đông khác	12.787.580.000	49%	12.787.580.000	49%
Tổng cộng	26.097.100.000	100%	26.097.100.000	100%

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.290.563.247	7.314.159.390
Chi phí nhân công	54.758.991.003	64.771.818.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	816.394.605	804.132.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.863.550.515	4.331.787.795
Chi phí khác	14.592.816.918	17.673.574.385
	81.322.316.288	94.895.472.398

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi chuyển nhượng cổ phần	1.939.116.830	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	153.286.151	40.094.132
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.884.011	740.432.151
Lãi cho vay	-	2.034.988.077
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.007.000.000
	<u><u>2.096.286.992</u></u>	<u><u>4.822.514.360</u></u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	757.037.316	1.118.373.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá	487.258.643	-
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(394.190.707)	3.876.015.891
Chi phí tài chính khác	38.908.575	-
	<u><u>889.013.827</u></u>	<u><u>4.994.389.691</u></u>

24. THU NHẬP KHÁC

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Điều chỉnh giảm công nợ không phải trả	521.978.460	785.983.629
Tiền phạt thu được	84.237.189	-
Các khoản khác	41.893.635	28.009.090
	<u><u>648.109.284</u></u>	<u><u>813.992.719</u></u>

25. CHI PHÍ KHÁC

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp bảo hiểm	364.905.872	928.835.699
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	439.625.835	345.276.000
Tiền phạt kinh tế phải trả	84.237.189	-
Chi phí khác	-	267.322
	<u><u>888.768.896</u></u>	<u><u>1.274.379.021</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.553.181.660	10.152.039.058
Chi phí vật liệu quản lý	429.870.098	373.968.222
Chi phí đồ dùng văn phòng	304.908.061	286.071.490
Chi phí khấu hao TSCĐ	171.700.728	173.400.709
Thuế, phí và lệ phí	684.322.628	426.157.906
Chi phí dự phòng	5.445.106.657	8.696.883.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.045.220.562	816.166.111
Chi phí bằng tiền khác	1.290.432.782	1.157.893.774
	19.924.743.176	22.082.581.143

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.152.648.036	959.062.106
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	1.573.750
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.152.648.036	960.635.856

Chi tiết:

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	4.820.403.380	5.315.482.509
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	418.905.872	1.050.890.699
- Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	364.905.872	928.835.699
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất, kinh doanh	54.000.000	122.055.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	(2.007.000.000)
- Cổ tức được chia trong năm	-	(2.007.000.000)
Lợi nhuận tính thuế	5.239.309.252	4.359.373.208
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	1.573.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.152.648.036	960.635.856

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	508.991.061	508.991.061
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.035.964.245	2.035.964.245
Sau năm năm	16.891.689.237	17.400.680.298
	<u>19.436.644.543</u>	<u>19.945.635.604</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 996,4 m² đất Nhà nước cho thuê 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm là trụ sở chính của Công ty, địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m²/năm với 869,9 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường và 268.797 VND/m²/năm với 96,5 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

- Tổng số tiền thuê 4.400 m² đất Nhà nước cho thuê thời hạn 30 năm trả tiền thuê đất hàng năm để nhà xưởng Trung tâm thí nghiệm tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với giá tiền thuê là 15.400.000 VND/năm. Thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2003.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19 trừ đi tiền và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Phân loại lại) VND
Các khoản vay	2.959.457.329	8.644.451.675
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(7.957.923.797)	(5.674.596.894)
Nợ thuần	-	2.969.854.781
Vốn chủ sở hữu	<u>51.415.602.155</u>	<u>51.479.404.467</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>0,06</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.957.923.797	5.674.596.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.813.381.270	72.517.407.448
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.034.044.240	7.034.044.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.877.889.647	1.500.000.003
Tổng cộng	<u><u>83.683.238.954</u></u>	<u><u>86.726.048.585</u></u>
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	2.959.457.329	8.644.451.675
Phải trả người bán và phải trả khác	28.136.852.205	39.044.843.312
Chi phí phải trả ngắn hạn	289.951.875	196.552.032
Tổng cộng	<u><u>31.386.261.409</u></u>	<u><u>47.885.847.019</u></u>

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

500
G T
M H U
T T
N A
T P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 59.189.147 VND (năm 2014: 172.889.034 VND).

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	+200	(59.189.147)
VND	-200	59.189.147
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	(172.889.034)
VND	-200	172.889.034

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.957.923.797	-	7.957.923.797
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.167.206.413	13.646.174.857	66.813.381.270
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.034.044.240	-	7.034.044.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.877.889.647	1.877.889.647
Tổng cộng	68.159.174.450	15.524.064.504	83.683.238.954
31/12/2015			
Vay và nợ thuê tài chính	2.653.757.329	305.700.000	2.959.457.329
Phải trả người bán và phải trả khác	20.211.342.858	7.925.509.347	28.136.852.205
Chi phí phải trả ngắn hạn	289.951.875	-	289.951.875
Tổng cộng	23.155.052.062	8.231.209.347	31.386.261.409
Chênh lệch thanh khoản thuần	45.004.122.388	7.292.855.157	52.296.977.545

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Trên 1 năm</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.674.596.894	-	5.674.596.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.280.530.799	29.236.876.649	72.517.407.448
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.034.044.240	-	7.034.044.240
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.500.000.003	1.500.000.003
Tổng cộng	55.989.171.933	30.736.876.652	86.726.048.585
31/12/2014			
Vay và nợ thuê tài chính	8.644.451.675	-	8.644.451.675
Phải trả người bán và phải trả khác	26.370.687.125	12.674.156.187	39.044.843.312
Chi phí phải trả ngắn hạn	196.552.032	-	196.552.032
Tổng cộng	35.211.690.832	12.674.156.187	47.885.847.019
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.777.481.101	18.062.720.465	38.840.201.566

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà
 Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)
 Công ty Cổ phần Sông Đà 1
 Công ty Cổ phần Sông Đà 2
 Công ty Cổ phần Sông Đà 3
 Công ty Cổ phần Sông Đà 4
 Công ty Cổ phần Sông Đà 5
 Công ty Cổ phần Sông Đà 6
 Công ty Cổ phần Sông Đà 7
 Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7
 Công ty Cổ phần Sông Đà 9
 Công ty Cổ phần Sông Đà 10
 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11
 Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà
 Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty con
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀNhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu cung ứng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	7.677.007.156	8.906.908.176
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	4.271.175.793	5.945.845.011
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	4.482.000.277	4.150.749.812
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.560.458.646	6.399.933.452
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	6.009.302.995	2.945.019.200
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	1.149.737.294	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.349.431.579	3.571.141.563
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	1.646.578.183	365.258.949
Cổ tức phải trả		
Tổng Công ty Sông Đà	1.330.920.480	798.571.260

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	4.332.366.906	2.212.169.726
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.246.896.478	3.256.812.478
Cty cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	2.122.822.562	751.713.122
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.827.989.440	1.240.825.359
Tổng Công ty Sông Đà	1.575.168.609	1.521.358.642
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.591.225.984	1.091.940.849
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.504.986.885	1.012.835.621
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	1.470.555.884	805.844.861
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.367.313.939	1.538.479.377
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	826.775.333	786.763.026
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.190.076.747	970.561.298
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	819.992.205	244.690.898
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	474.320.000	-
	22.350.490.972	15.433.995.257
Phải thu khách hàng dài hạn		
Tổng Công ty Sông Đà	449.431.838	535.004.812
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	416.795.743	1.055.347.094
	866.227.581	1.590.351.906

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Nhà G9 số 495, Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo):

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	602.821.170	2.226.779.351
Chi nhánh công ty Cổ phần Sông Đà 11	63.881.664	216.865.972
	<u>666.702.834</u>	<u>2.443.645.323</u>
 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:		
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.098.315.260	932.881.898

31. THÔNG TIN SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

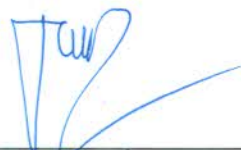
MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. THÔNG TIN SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7.034.044.240	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	Không trình bày trên báo cáo
2. Phải thu khách hàng	131	86.536.388.758	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	58.443.103.303	Phân loại lại và đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	358.995.111	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	358.995.111	Đổi tên
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7.034.044.240	Phân loại lại
4. Các khoản phải thu khác	135	5.062.309.541	5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.004.812.133	Phân loại lại và đổi tên, đổi mã số
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	47.015.345	6. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	292.456.237	Phân loại lại
6. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.704.112.186	7. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Không trình bày trên báo cáo
7. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	8. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	28.093.285.455	Phân loại lại
8. Phải thu dài hạn khác	218	-	9. Phải thu dài hạn khác	216	1.143.591.194	Phân loại lại và đổi mã số
9. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	228	446.300.864	10. Nguyên giá tài sản cố định vô hình	228	50.000.000	Phân loại lại
10. Khấu hao lũy kế - Tài sản cố định vô hình	229	(446.300.864)	11. Khấu hao lũy kế - Tài sản cố định vô hình	229	(50.000.000)	Phân loại lại
11. Chi phí trả trước dài hạn	261	312.203.392	12. Chi phí trả trước dài hạn	261	66.762.500	Phân loại lại
12. Tài sản dài hạn khác	268	381.981.600	13. Tài sản dài hạn khác	268	-	Không trình bày trên báo cáo
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8.644.451.675	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	8.644.451.675	Đổi tên và đổi mã số
2. Phải trả người bán	312	13.687.817.935	2. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.335.185.227	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
3. Người mua trả tiền trước	313	7.314.244.080	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	7.373.416.007	Phân loại lại, đổi tên và đổi mã số
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	26.742.361.289	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	23.420.837.810	Phân loại lại và đổi tên
5. Phải trả dài hạn người bán	331	-	5. Phải trả người bán dài hạn	331	9.352.632.708	Phân loại lại và đổi tên
6. Phải trả dài hạn khác	333	-	6. Phải trả dài hạn khác	337	3.321.523.479	Phân loại lại và đổi mã số
7. Doanh thu chưa thực hiện	338	59.171.927	7. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	Không trình bày trên báo cáo



Hoàng Thị Minh Hiền
 Người lập biểu

Ngày 07 tháng 3 năm 2016



Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng

